

BÁO CÁO

**Đánh giá đột xuất tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk
(sau hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên)
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ về quy định xử lý khó khăn vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi); trên cơ sở nội dung tham mưu, đề xuất của Sở Tài chính (tại Tờ trình số 187/TTr-STC ngày 22/9/2025 và Công văn số 2510/STC-TH&QLNS ngày 01/10/2025), Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, làm cơ sở cho việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (sau hợp nhất) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cơ sở pháp lý để đánh giá:

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sáp nhập tỉnh Phú Yên vào tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025.
- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ về quy định xử lý khó khăn vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).
- Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch của hai tỉnh (cũ) và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

Báo cáo tập trung đánh giá toàn diện tình hình triển khai, những kết quả đạt được, các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt trên phạm vi toàn tỉnh Đắk Lắk sau khi hợp nhất, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với bối cảnh và định hướng phát triển mới.

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đánh giá khái quát tình hình thực hiện quy hoạch

1.1. Công tác tổ chức, triển khai

Sau khi Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quy hoạch tỉnh Phú Yên (cũ) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 1747/QĐ-TTg và 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023, Tỉnh ủy, HĐND, UBND hai tỉnh đã khẩn trương, nghiêm túc chỉ đạo công tác triển khai. Nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch hành động, chương trình công tác đã được ban hành để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cấp, từng ngành, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Trên cơ sở đó, các Sở, ban, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai các nội dung thuộc phạm vi quản lý¹.

Sau khi hợp nhất tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, công tác lãnh đạo, chỉ đạo được duy trì liên tục, thông suốt, tập trung vào việc ổn định tổ chức bộ máy và hoạch định các chiến lược phát triển chung, tạo hành lang pháp lý quan trọng để kiến tạo không gian phát triển mới, thống nhất trên toàn tỉnh.

1.2. Đánh giá việc thực hiện các định hướng lớn

1.2.1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng:

- Ngành Nông nghiệp:

Định hướng theo quy hoạch: Cả hai quy hoạch (tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg và Quyết định số 1746/QĐ-TTg) đều xác định phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn và nâng cao giá trị gia tăng. Trọng tâm là phát triển các sản phẩm lợi thế, xây dựng thương hiệu, liên kết chuỗi giá trị và gắn với công nghiệp chế biến.

Kết quả thực hiện: Ngành nông nghiệp đã bám sát định hướng và tiếp tục khẳng định vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 5,24%/năm. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh của ngành, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp được chú trọng, năng suất, chất lượng các sản phẩm có lợi thế và thị trường như: cà phê, cao su, sầu riêng, các loại cây công nghiệp giá trị cao, cá ngừ, tôm hùm, tôm thẻ... được nâng lên đáng kể; giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích sản xuất nông nghiệp bình quân đạt 195 triệu đồng/ha/năm và hơn 1 tỷ đồng/ha/năm đối với nghề nuôi trồng thủy sản (ở tỉnh Phú Yên cũ).

¹ Như: Sở Công Thương đã xây dựng kế hoạch phát triển ngành giai đoạn 5 năm và hàng năm; Ban Quản lý các Khu công nghiệp (KCN) tỉnh đã tích cực tuyên truyền, phổ biến phương án phát triển KCN đến các nhà đầu tư; Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đã xây dựng Kế hoạch số 66/KH-BQLKNN ngày 02/12/2024 để triển khai các nhiệm vụ liên quan...

Phát triển sản phẩm chủ lực và thương hiệu: Chương trình xây dựng thương hiệu Cà phê Buôn Ma Thuột được đẩy mạnh, phát triển cà phê đặc sản hướng đến mục tiêu “Đắc Lắc là điểm đến của cà phê thế giới”. Tại khu vực ven biển, thương hiệu “Tôm hùm Phú Yên” được chú trọng xây dựng, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nuôi công nghiệp ở vùng biển hở.

Tái cơ cấu và ứng dụng công nghệ cao: Đã hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn với các sản phẩm chủ lực (lúa, ngô, hồ tiêu, cây ăn quả, mía, sắn...). Đặc biệt, đã hình thành một số khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

Kinh tế lâm nghiệp và thủy sản: Kinh tế lâm nghiệp được chú trọng phát triển gắn với quản lý, bảo vệ, khôi phục rừng. Ngành thủy sản được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng, giảm khai thác ven bờ, gắn với chế biến và xuất khẩu. Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 ước đạt 27.663 tấn.

- Ngành Công nghiệp:

Định hướng theo quy hoạch: Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao. Trọng tâm là công nghiệp chế biến sâu nông lâm thủy sản, năng lượng tái tạo quy mô lớn, và các ngành công nghiệp động lực gắn với kinh tế biển như luyện kim, lọc hóa dầu.

Kết quả thực hiện: Ngành công nghiệp đã trở thành điểm sáng và là động lực chính cho tăng trưởng, với tốc độ tăng bình quân ấn tượng 10,95%/năm. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch đúng hướng theo định hướng của quy hoạch, giảm dần tỷ trọng khai khoáng, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng tái tạo.

Công nghiệp chế biến sâu: Nhiều sản phẩm công nghiệp mới có giá trị gia tăng cao đã hình thành. Tại khu vực phía Đông, các dự án chế biến hải sản xuất khẩu (công suất trên 40.000 tấn/năm), dược phẩm (trên 3 tỷ viên/năm), linh kiện điện tử (1 tỷ sản phẩm/năm) đã đi vào hoạt động. Tại khu vực phía Tây, nhiều dự án lớn đi vào hoạt động như sản xuất viên nén gỗ xuất khẩu, trái cây sấy thăng hoa, sợi dệt...

Công nghiệp động lực: Đặc biệt, dự án Khu liên hợp gang thép của Tập đoàn Hòa Phát và Tổ hợp lọc hóa dầu tại KKT Nam Phú Yên đã được khởi động, hứa hẹn tạo đột phá cho các ngành công nghiệp nền tảng như luyện kim, lọc hóa dầu. Lĩnh vực năng lượng tái tạo phát triển mạnh, trở thành điểm sáng trong phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Ngành Thương mại, dịch vụ:

Định hướng theo quy hoạch: Phát triển theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa loại hình dịch vụ, phát huy lợi thế so sánh. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tập trung phát triển logistics gắn với cảng biển, sân bay.

Kết quả thực hiện: Ngành duy trì tăng trưởng khá, bình quân 6,22%/năm.

Thương mại nội địa và xuất khẩu: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 9,1%/năm. Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2024 của Đắk Lắk (cũ) tăng bình quân 14,8%/năm, Phú Yên (cũ) tăng bình quân 21,6%/năm.

Du lịch: Phát triển theo đúng định hướng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Các sản phẩm du lịch chủ đạo như du lịch sinh thái biển - rừng, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, cộng đồng được tập trung phát triển. Công tác xúc tiến, quảng bá và liên kết hợp tác được đẩy mạnh, thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước.

Các dịch vụ khác: Thương mại điện tử và các nền tảng số được khai thác hiệu quả. Các dịch vụ vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính - ngân hàng phát triển đa dạng, ổn định.

b) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác:

- Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đóng góp vào tăng trưởng. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh như nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế biến. Chuyển đổi số được quan tâm đẩy mạnh, đặc biệt là xây dựng chính quyền số, kinh tế số, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

- Văn hóa, thể thao: Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên và văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch được đẩy mạnh. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch quy mô lớn được tổ chức thành công, tạo dấu ấn. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển sâu rộng.

- Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: Chất lượng giáo dục ở các cấp học tiếp tục được đổi mới, nâng cao. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được sắp xếp lại, gắn kết hơn với nhu cầu của thị trường lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 45% (năm 2020) lên 65% (năm 2025).

- Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao ở các tuyến. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 95%. Các chỉ số về giường bệnh, bác sĩ trên vạn dân đều được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- An sinh xã hội: Công tác giảm nghèo đạt kết quả đột phá. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh cuối năm 2025 dự kiến giảm còn 2,08%; riêng vùng đồng bào DTTS giảm còn khoảng 10,06%. Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng

đồng bào DTTS và miền núi (Chương trình 1719) được triển khai hiệu quả với tổng vốn bố trí giai đoạn 2021-2025 là 4.220,316 tỷ đồng. Đến 20/7/2025, đã giải ngân đạt 69,55% kế hoạch, góp phần cải thiện rõ rệt kết cấu hạ tầng (100% xã có đường ô tô đến trung tâm, 94% DB DTTS được dùng nước hợp vệ sinh, 99% hộ dân được dùng điện lưới) và đời sống người dân vùng khó khăn.

- Quốc phòng và an ninh: Bám sát phương án phát triển khu quân sự, an ninh, công tác quy hoạch quốc phòng được triển khai bài bản, tích hợp đầy đủ vào quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng đến năm 2030, quy hoạch sử dụng đất an ninh và Khu quân sự, địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt². Nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân được củng cố vững chắc.

c) Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội: Việc tổ chức không gian phát triển theo cấu trúc “một trọng điểm - ba cực - ba hành lang - ba tiểu vùng” (đối với Đắk Lắk cũ) và “một vành đai - hai hành lang - ba khu vực trọng điểm” (đối với Phú Yên cũ) đã bước đầu hình thành các vùng động lực, các hành lang kinh tế thúc đẩy liên kết giữa các địa phương.

1.2.2. Phương án phát triển hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ nông thôn

a) Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã:

- Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 được thực hiện đúng lộ trình, theo quy định:

+ Đối với tỉnh Đắk Lắk (cũ): Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 – 2025.

+ Đối với tỉnh Phú Yên (cũ): Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1200/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 – 2025.

- Phương án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã năm 2025: Từ ngày 01/7/2025, thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định và đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành

² Về đất an ninh: Đến nay, cơ bản 100% Công an cấp xã và các đơn vị đã được giới thiệu quỹ đất, đưa vào quy hoạch đất an ninh để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay diện tích đất đã quy hoạch chưa phù hợp theo tiêu chuẩn định mức tại Quyết định số 5004/QĐ-BCA-H02, ngày 18/6/2025 sửa đổi bổ sung của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành Quy định về định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân (diện tích đất cấp xã tối thiểu 10.000m², tối đa 4 vị trí). Riêng việc bố trí quy hoạch quỹ đất an ninh tại cảng hàng không Tuy Hoà, cảng Vũng Rô, mở rộng diện đất an ninh tại cảng hàng không Buôn Ma Thuột, đất an ninh quy hoạch tại cửa khẩu và các vị trí PCCC&CNCH khu vực, tại các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp theo Quyết định 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 trên địa bàn tỉnh chưa đạt yêu cầu.

chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025.

b) Phương án phát triển hệ thống đô thị:

Hệ thống đô thị phát triển nhanh về số lượng và quy mô, tỷ lệ đô thị hóa tăng, hình thành mạng lưới đô thị trung tâm - vệ tinh. Các đô thị hạt nhân như Buôn Ma Thuột, Tuy Hòa, Buôn Hồ, Đông Hòa được tập trung đầu tư, mở rộng không gian, từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị cao hơn.

- Đối với Quy hoạch tỉnh Phú Yên (cũ):

Thực hiện nội dung tích hợp định hướng hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo đó, định hướng đến năm 2030, tỉnh Phú Yên có 18 đô thị bao gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Tuy Hòa), 01 đô thị loại II (thành phố Sông Cầu), 01 đô thị loại III (thị xã Đông Hòa), 06 đô thị loại IV (đô thị Củng Sơn, Phú Thử, Tuy An, La Hai, Hai Riêng, Phú Hòa), 09 đô thị loại V (đô thị Tân Lập, Sơn Long, Sơn Thành Đông, Hòa Trị, Xuân Phước, Xuân Lãnh, Trà Khê Sơn Hội, Hòa Mỹ Đông, Phong Niên); UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 tại Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 17/4/2024. Ngoài ra, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng cũng đã chủ trì tổ chức thẩm định hoặc phối hợp, hướng dẫn các địa phương tổ chức lập, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị, làm cơ sở đầu tư phát triển đô thị, nâng loại đô thị theo Kế hoạch như: Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị trấn Tân Lập đạt tiêu chí đô thị loại V trực thuộc huyện Sông Hinh; phối hợp thành phố Tuy Hòa (trước đây) triển khai lập Chương trình Phát triển đô thị thành phố Tuy Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035, trực thuộc tỉnh Phú Yên; thị xã Sông Cầu (trước đây) triển khai lập Chương trình phát triển đô thị thị xã Sông Cầu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; huyện Tây Hòa (trước đây) triển khai lập Chương trình phát triển đô thị Phú Thử và Chương trình phát triển đô thị Sơn Thành Đông; huyện Đồng Xuân (trước đây) triển khai lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Xuân Phước.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đang phối hợp để lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, nhất là quy hoạch phát triển các đô thị ven biển như: Quy hoạch chung đô thị Tuy An (được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 09/4/2025), điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị Tuy Hòa (được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 22/7/2024), Sông Cầu (được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 28/3/2025), làm cơ sở để quản lý tốt quy hoạch, đầu tư xây dựng, đảm bảo

hài hòa, đồng bộ về kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, sử dụng hiệu quả đất đai đô thị ven biển. Trong quá trình lập, thẩm định các quy hoạch nêu trên, tỉnh luôn quan tâm, chú trọng vào việc hoàn thiện tuyến đường ven biển và các tuyến đường nối từ tuyến đường cao tốc, Quốc lộ 1 đến các điểm du lịch và đô thị ven biển, giúp cải thiện khả năng kết nối và tiếp cận vùng ven biển, tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch và phát triển đô thị; lồng ghép nội dung xây dựng các khu đô thị xanh, đô thị thông minh vào các quy hoạch đô thị ven biển, đảm bảo không gian công cộng để nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân, thu hút đầu tư phát triển các dự án đô thị ven biển.

- Đối với Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (cũ):

Theo Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt, thì đến năm 2030, hệ thống đô thị tỉnh có 31 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I trực thuộc tỉnh, 01 đô thị loại III, 06 đô thị loại IV và 23 đô thị loại V.

Theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; Đến năm 2025, có 21 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III; 05 đô thị loại IV và 14 đô thị loại V; Đến năm 2030, có 31 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III, 06 đô thị loại IV và 23 đô thị loại V.

Đến ngày 30/6/2025, tỉnh Đắk Lắk (cũ) có 16 đô thị. Trong đó, 01 đô thị loại I (thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế chính trị, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đắk Lắk); 06 đô thị loại IV (thị xã Buôn Hồ; thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar; thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc; thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana; thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo; thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar) và 09 đô thị loại V. Trong đó, 05 thị trấn huyện lỵ (Ea Súp, huyện Ea Súp; Krông Năng, huyện Krông Năng; M'Đrăk, huyện M'Đrăk; Liên Sơn, huyện Lắk; Krông Kmar, huyện Krông Bông); 03 thị trấn thuộc huyện (thị trấn Ea K'nốp, huyện Ea Kar; thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar; thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk) và 01 đô thị (huyện lỵ Buôn Đôn).

Năm 2024 – 2025, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch điều chỉnh tổng thể cho 04 đô thị (thị xã Buôn Hồ; thị trấn: Liên Sơn, Krông Năng, và Phước An) và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị cho 05 đô thị (thị trấn Ea Drăng; và các đô thị: huyện lỵ Buôn Đôn, đô thị mới Dray Bhăng huyện Cư Kuin, đô thị mới Ea Phê huyện Krông Pắc, đô thị mới Phú Xuân huyện Krông Năng); làm cơ sở triển khai phát triển đô thị, phân loại đô thị.

Đối với các đô thị trong kế hoạch nâng loại đô thị (02 đô thị) và các đô thị hình thành mới (06 đô thị) của giai đoạn đến năm 2025 theo Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng hướng dẫn tại Công văn số 1832/SXD-PTĐT ngày 03/8/2023 và ban hành Kế hoạch số 1928/KH-SXD ngày 14/8/2023 làm việc với các địa phương về công tác triển khai kế hoạch phân loại đô thị giai đoạn đến năm 2025.

c) Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn:

UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng phối hợp, hướng dẫn các địa phương trong công tác lập quy hoạch nông thôn đảm bảo cụ thể hóa Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn của Quy hoạch tỉnh được duyệt; trong đó, định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững; phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng, thực chất, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc.

1.2.3. Phương án phát triển các khu chức năng

a) Phương án phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

- Khu kinh tế (KKT) Nam Phú Yên: Đã trở thành động lực tăng trưởng quan trọng. Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ban Quản lý KKT đang tích cực triển khai lập 08 Đồ án Quy hoạch phân khu (QHPK) tỷ lệ 1/2000 (03 đồ án đã được phê duyệt)³. KKT đã thu hút được các nhà đầu tư lớn như Tập đoàn Hòa Phát, N&G, Becamex VSIP. Đến nay, KKT và các KCN phía Đông đã thu hút 126 dự án với tổng vốn đăng ký trong nước là 31.320 tỷ đồng và 45,6 triệu USD vốn FDI.

- Khu công nghiệp (KCN): Theo quy hoạch, toàn tỉnh có 16 KCN. Hiện 06 KCN đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy bình quân 81,24%⁴. KCN Hòa Phú đã thu hút 59 dự án với tổng vốn đăng ký 6.104 tỷ đồng. KCN Phú Xuân đã có chủ trương đầu tư và đang triển khai các thủ tục⁵.

³ Lập hoàn thiện, trình phê duyệt các Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040, Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Hòa Tâm thuộc Khu kinh tế Phú Yên, Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị, dịch vụ phục vụ công nghiệp phường Hòa Hiệp Nam, thị xã Đông Hòa; và hiện nay đang tiếp tục phối hợp tốt với Ban Quản lý khu kinh tế Phú Yên để tổ chức lập nhiều đồ án quy hoạch khác như: Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị dịch vụ ven biển thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên; điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hoà, ...

⁴ KCN Đông Bắc Sông Cầu – khu vực 1, KCN Đông Bắc Sông Cầu - khu vực 2, KCN An Phú, KCN Hòa Hiệp 1, KCN Hòa Hiệp 2, KCN Hòa Phú.)

⁵ Vương mặc chính trong việc triển khai thực hiện quy hoạch theo phương án phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ) chủ yếu tập trung phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho 02 khu công nghiệp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tiêu đất khu công nghiệp được phân bổ với kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 là 441ha và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 658ha (Khu công nghiệp Hòa Phú và Khu công nghiệp Phú Xuân); tại Quyết định số 227/QĐ- TTg ngày 12/3/2024 của Chính phủ, chỉ tiêu đất khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh không có sự điều chỉnh. Do đó, đối với các khu công nghiệp còn lại theo quy hoạch

- Cụm công nghiệp (CCN): Toàn tỉnh quy hoạch 56 CCN. Hiện có 19 CCN đang hoạt động trên diện tích 856,96 ha và 03 CCN đang làm thủ tục đầu tư. Hạ tầng các CCN từng bước được đầu tư⁶.

b) Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo:

Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo được định hướng thành một trung tâm khoa học - công nghệ và giáo dục hiện đại, có quy mô liên ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đã đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển rộng 03 ha với các phòng thí nghiệm, nhà màng, nhà lưới hiện đại, phục vụ công tác nghiên cứu, thử nghiệm và trình diễn mô hình. Trung tâm đã bước đầu đầu tư trang thiết bị cho phòng nuôi cấy mô, vi sinh, hệ thống nhà màng Israel, hệ thống điện mặt trời và tưới tiết kiệm.

c) Phương án phát triển khu du lịch:

Nhìn chung, giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Lắk đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu quy hoạch trong lĩnh vực du lịch. Trong đó, đã đạt được nhiều kết quả nổi bật và thậm chí vượt tiến độ. Du lịch có tốc độ phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19, lượng khách và doanh thu đều đạt hoặc vượt chỉ tiêu của quy hoạch trước thời hạn, góp phần khẳng định tiềm năng và vị thế du lịch của tỉnh. Cụ thể:

Bám sát định hướng, tỉnh đã tập trung phát triển các khu du lịch trọng điểm như Vịnh Xuân Đài, Gành Đá Đĩa, Vũng Rô, Vườn quốc gia Yok Đôn, Hồ Lắk, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, thu hút đầu tư.

Hình thành các hành lang phát triển du lịch: Hành lang ven biển Bắc - Nam (QL1, cao tốc Bắc - Nam, đường ven biển) với trọng điểm là Vũng Rô - Tuy Hòa - Xuân Đài; phát triển mạnh du lịch biển, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao biển.

Hành lang Đông - Tây (QL25, QL26, QL29) với định hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp gắn với phát triển nông - lâm nghiệp hiện đại, thông minh.

Tuyến - cụm du lịch liên vùng đã và đang hình thành: Buôn Ma Thuột - Hồ Lắk - VQG Yok Đôn - Tuy Hòa - Gành Đá Đĩa - Vịnh Xuân Đài; Buôn Ma Thuột - Nha Trang (kết hợp du lịch nghỉ dưỡng biển và văn hóa công chiêng, sinh thái rừng).

được duyệt (M'Đrăk, Ea H'leo, Ea Kar) chưa triển khai các trình tự, thủ tục để chuẩn bị đầu tư, kêu gọi xúc tiến đầu tư cũng như việc xây dựng kế hoạch cụ thể để đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác, vận hành

⁶ Tỉnh đã Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Tân An 2, Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Krông Búk 1, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; tham gia góp ý các đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Buôn Chấm, Cụm công nghiệp Hòa Sơn.

Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù: văn hóa công chiêng Tây Nguyên, lễ hội cà phê, du lịch sinh thái rừng, thể thao mạo hiểm; liên kết “biển - rừng” để kéo dài thời gian lưu trú.

Không gian bảo tồn di sản - văn hóa: Toàn tỉnh có 176 di tích được xếp hạng (05 di tích quốc gia đặc biệt, 39 di tích quốc gia, 132 di tích cấp tỉnh); 02 di sản văn hóa phi vật thể UNESCO, 11 di sản quốc gia; hoạt động lễ hội đặc sắc (cà phê, công chiêng, sầu riêng, đua thuyền, cầu ngư, đua ngựa Gò Thi Thùng...); phát triển các làng văn hóa – du lịch cộng đồng (Buôn Đôn, Buôn Jun, Buôn Ako Dhong, Buôn Lê Diêm, Buôn Xí Thoại...) và làng nghề truyền thống phục vụ trải nghiệm du lịch.

d) Phương án phát triển khu thể thao, văn hóa:

- Về văn hóa:

Nhìn chung, giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Lắk đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu quy hoạch trong lĩnh vực văn hóa. Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, vẫn chưa có những bước tiến mang tính đột phá, việc lập hồ sơ di sản để trình UNESCO hoặc các hoạt động bảo tồn bền vững chưa đạt hiệu quả cao. Điều này phản ánh thực trạng thiếu nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất văn hóa cấp xã, cũng như sự hạn chế trong công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực từ cộng đồng và doanh nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được thực hiện nghiêm túc, kiên quyết, các vụ vi phạm pháp luật về văn hóa được thanh tra, kiểm tra và xử lý triệt để; tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng hoàn thiện, trang bị đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn; tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng, thực thi các cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động văn hóa...

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật ở cơ sở diễn ra sôi nổi, thiết thực, thu hút đông đảo người xem. Đời sống văn hóa của Nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ.

Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của Nhân dân được quan tâm, từng bước phát huy giá trị, đặc biệt là Văn hóa Công chiêng Tây Nguyên, Nghệ thuật Bài chòi Nam Trung Bộ - 02 di sản được UNESCO công nhận danh hiệu di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Đã tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch có quy mô lớn cấp vùng và quốc gia. Các hoạt động quảng bá hình ảnh con người Đắk Lắk Văn minh – Thân thiện – Mến khách, Buôn Ma Thuột thành “điểm đến của cà phê thế giới”, giàu bản sắc, điểm đến của khách du lịch được đẩy mạnh. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, các điểm vui chơi giải trí, không gian công cộng và tiện ích đô thị từ tỉnh đến cơ sở được từng bước đầu tư xây dựng ngày càng đồng bộ theo hướng hiện đại. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được triển khai sâu rộng, đạt nhiều kết quả rõ nét, nhất là trong việc xây dựng khu dân cư văn hoá, cơ quan, đơn vị văn hoá. Môi trường văn hoá lành mạnh hơn, nếp sống văn hoá có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ số phát triển con người được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Dấu ấn về bản sắc đặc trưng của văn hóa, con người Đắk Lắk từng bước được định hình, dần khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong cuộc sống đương đại.

Công tác phát huy giá trị di tích luôn được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức và gắn với phát triển du lịch.

- Về thể thao:

Phong trào TDTT quần chúng tiếp tục phát triển, thu hút ngày càng đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia luyện tập, tạo thành phong trào quần chúng rộng khắp toàn tỉnh từ thành thị đến nông thôn, từ thanh thiếu niên, học sinh - sinh viên, công nhân viên chức - lao động, lực lượng vũ trang, đồng bào dân tộc thiểu số đến người cao tuổi tham gia tập luyện và tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Thể thao thành tích cao đã được quan tâm đầu tư các môn thể thao mũi nhọn và đạt được những thành tích đáng kể, tiếp tục khẳng định sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc của thể thao tỉnh nhà, cụ thể:

+ Hàng năm tỉnh tham gia nhiều giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế và đã đạt nhiều thành tích cao.

+ Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX tham dự với 126 VĐV vận động viên tham gia tranh tài ở 14/43 nội dung. Đoàn thể thao của tỉnh đã giành tổng cộng 37 huy chương các loại (gồm: 13 Huy chương Vàng (HCV), 9 Huy chương Bạc (HCB) và 15 Huy chương Đồng (HCD)); trong đó đáng chú ý, tỉnh Đắk Lắk có hai vận động viên phá kỷ lục quốc gia ở môn cử tạ; môn kéo co giành giải Nhất toàn đoàn. Qua đó đoàn xếp thứ 20/65 tỉnh, thành, ngành tham dự trên toàn quốc, đồng thời đứng thứ 3/19 tỉnh miền núi. So với kỳ Đại hội lần thứ VIII, Đắk Lắk đã tăng thêm 13 huy chương và thăng 5 bậc xếp hạng trên bảng tổng sắp.

Tại các giải thể thao Đông Nam Á, Châu Á, Đắk Lắk luôn đóng góp cho quốc gia từ 02-03 VĐV tham gia thi đấu và mỗi kỳ đạt 02-03 huy chương các loại góp phần mang vinh quang về cho tổ quốc (Năm 2022: Tại Seagames 31: Có 03 vận động viên của tỉnh tham gia, đạt 03 huy chương: Vận động viên Phan Tuấn Tài môn Bóng đá nam đạt 01 huy chương vàng, vận động viên Nguyễn Thị Hải

Châu môn Bắn cung đạt 01 huy chương bạc nội dung đồng đội nữ; vận động viên Trương Đình Hoàng môn Boxing đạt 01 huy chương đồng cá nhân. Năm 2023: Các vận động viên của tỉnh đại diện cho Việt Nam tham gia các giải khu vực và Châu Á và đạt được những thành tích đáng khích lệ, như: Vận động viên Đinh Văn Tiến tham gia giải Bắn súng Đông Nam Á và đã đạt 02 huy chương vàng, 04 huy chương Bạc; Vận động viên Nguyễn Hoàng, tham gia thi đấu môn KickBoxing tại Sea Games 32 tại Campuchia đạt 01 huy chương vàng; vận động viên Võ Thị Quỳnh Như tham dự giải vô địch Cờ vua Châu Á tại Hàn Quốc đạt 01 HCB, 01 HCD. Năm 2024: Có 6 vận động viên được Cục Thể dục Thể thao triệu tập thi đấu các giải thể thao quốc tế, đạt thành tích: Vận động viên Nguyễn Thị Thảo thi đấu giải vô địch Karate Đông Nam Á, tại Thái Lan (01HCD); vận động viên Nguyễn Văn Anh Quốc và Tạ Minh Khang thi đấu giải Đua thuyền Rowing vô địch U19, U23 và vô địch Đông Nam Á năm 2024, tại Việt Nam (02 HCD)....

+ Hàng năm, tỉnh đào tạo từ 340-669 VĐV các tuyến từ năng khiếu đến đội tuyển tỉnh tập trung đào tạo vào các môn Olympic, nhóm I, II và các môn có thế mạnh của tỉnh.

- Về phát triển các khu thể thao, văn hóa:

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắc Lắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với định hướng phát triển 04 sân gôn tại hồ Ea Kao, hồ Ea Nhái, hồ Lắc, Buôn Đôn⁷ và xây dựng Trung tâm Văn hóa tỉnh thành kiến trúc văn hóa tiêu biểu của tỉnh là điểm đến thăm quan, thưởng thức văn hóa nghệ thuật đặc trưng của vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, việc thực hiện theo tiến độ Quy hoạch của tỉnh vẫn chưa đảm bảo theo giai đoạn, nên chưa đáp ứng cho việc phát triển cơ sở hạ tầng thể dục thể thao để phục vụ nhu cầu tập luyện cho người dân. Chất lượng của các công trình thể thao hiện có đang dần xuống cấp chưa được sửa chữa, nâng cấp, cải tạo.

Về Công trình Trung tâm Văn Hoá - Nghệ thuật tỉnh: Tiếp tục tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh. Đến nay, UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch, Nhiệm vụ thiết kế và dự toán chi phí tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh tại Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 19/11/2024.

⁷ Về dự án sân gôn Buôn Đôn: UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng làm cơ quan tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Tổ hợp Sân Golf Buôn Đôn tại Công văn số 3648/UBND-CNXD ngày 15/4/2025. Đến nay, Sở Xây dựng đã thành lập Ban Quản lý nghiệp vụ lập các Đồ án Quy hoạch đô thị và nông thôn tại Quyết định số 114/QĐ-SXD ngày 01/8/2025. Ban Quản lý đã tổ chức lập hoàn thiện Nhiệm vụ Quy hoạch, trình Sở Xây dựng thẩm định tại Tờ trình số 31/TTr-SXD ngày 06/08/2025.

Về dự án sân gôn tại hồ Ea Nhái: Sở Xây dựng đề xuất UBND tỉnh báo cáo, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy xem xét chấp thuận tiếp tục tổ chức lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tổ hợp Khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí và sân golf hồ Ea Nhái.

đ) Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh:

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản được chú trọng. Tỉnh đã tập trung nguồn lực để tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt như Nhà đày Buôn Ma Thuột, các di tích lịch sử cách mạng và các danh lam thắng cảnh cấp quốc gia như Gành Đá Đĩa, Vịnh Xuân Đài. Đã triển khai các dự án tôn tạo cảnh quan tại các khu di tích, tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch. Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế, nhiều di tích cấp tỉnh vẫn đang trong tình trạng xuống cấp, cần được quan tâm đầu tư trong giai đoạn tới.

- Kết quả đầu tư tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ):

Giai đoạn 2023-2025; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành đầu tư tu bổ các di tích, danh lam thắng cảnh cụ thể như sau: Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp Di tích lịch sử CADA và Di tích lịch sử địa điểm Miếu thờ tại đồn điền CADA giai đoạn 2023-2025 với tổng kinh phí 11.850.000.000 đồng từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột với tổng kinh phí là 10 tỷ đồng từ nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh.

- Kết quả đầu tư tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ):

Trong số các di tích trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ), một số đã được tu bổ, sửa chữa hoặc có nguồn thu để phục vụ công tác bảo tồn. Cụ thể, di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Nhạn đã được UBND tỉnh giao UBND thành phố Tuy Hòa (cũ) quản lý theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; HĐND thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chỉnh trang núi Nhạn từ nguồn ngân sách thành phố tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 29/3/2023. Tại di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đường Hồ Chí Minh trên biển, UBND thị xã Đông Hòa (cũ) đã được giao quản lý theo Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 và HĐND thị xã đã phê duyệt đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu di tích với tổng mức đầu tư 14,6 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/10/2023.

Tại 02 di tích đã được tổ chức thu phí tham quan theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023: Di tích danh thắng quốc gia Bãi Môn - Mũi Đại Lãnh giao cho Thị xã Đông Hòa (cũ) thực hiện tu bổ, tôn tạo di tích trích từ nguồn thu phí tham quan. Gành Đá Đĩa - Di tích quốc gia đặc biệt giao cho UBND Huyện Tuy An (cũ) đã trích 5,84 tỷ đồng cho công tác tu bổ, tôn tạo từ nguồn thu phí tham quan; hiện nay, Di tích được giao cho Ban Quản lý Di tích (trực thuộc Sở VH-TTDL quản lý), tổng thu phí tham quan từ tháng 01/2025 đến ngày 14/8/2025 là 12,7 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số di tích đã có chủ trương nhưng chưa thực hiện tu bổ: Di tích lịch sử cấp quốc gia – nơi thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở tỉnh Phú Yên – đã được UBND huyện Đồng Xuân (cũ) phê duyệt chủ trương đầu tư và lập hồ sơ dự án tại Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 18/10/2023, với tổng vốn đầu tư 8,05 tỷ đồng (trong đó 8 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 50 triệu đồng từ ngân sách huyện), tuy nhiên đến nay dự án vẫn chưa được triển khai. Riêng di tích văn hóa - lịch sử Mộ và Đền thờ Lương Văn Chánh hiện đang trong quá trình chờ thẩm định; UBND tỉnh đang đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét với tổng kinh phí là 125,611 tỷ đồng.

e) Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng của quy hoạch đã dần hình thành rõ nét. Tại khu vực phía Tây, các vùng chuyên canh cây công nghiệp (cà phê, cao su, hồ tiêu, sầu riêng) và cây lương thực (lúa, ngô) được duy trì và phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn.

Tại khu vực phía Đông, các vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng trồng rau màu, cây ăn quả và các vùng chăn nuôi tập trung (bò, lợn, gia cầm) được quy hoạch và đầu tư hạ tầng. Đặc biệt, các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại ven Vịnh Xuân Đài, Đầm Cù Mông, Đầm Ô Loan được tổ chức lại theo hướng bền vững, hiệu quả.

g) Phương án phát triển thương mại dịch vụ logistics

- Tỉnh đang triển khai thu hút đầu tư phát triển dịch vụ logistics gắn với cảng hàng không Tuy Hòa; hiện nay, UBND tỉnh đang giao Sở Xây dựng tiếp tục chủ trì lập hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch Cảng hàng không Tuy Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chủ trì lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Phú Yên (trước đây) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1351/QĐ-BXD ngày 15/8/2025, làm cơ sở để đầu tư dự án Khu Bến cảng Bãi Góc, góp phần hình thành các trung tâm logistics gắn với các đô thị lớn của tỉnh và các khu công nghiệp trên địa bàn.

- Đối với Chợ đầu mối: quy hoạch trên địa bàn tỉnh 08 chợ xây dựng mới và 01 chợ đang hoạt động; trong đó quy hoạch xây dựng mới, chợ đầu mối tại phường Tân An (mới), chợ đầu mối tại xã Hoà Phú (mới), chợ đầu mối xã Ea Đăng (mới), chợ đầu mối xã Pong Drang (mới), chợ đầu mối huyện Ea Kar (cũ), chợ đầu giá cá ngừ tại phường Phú Yên (mới), chợ đầu mối thủy sản Dân Phước tại phường Xuân Đài (mới), chợ đầu mối tổng hợp An Mỹ tại xã Tuy An Nam (mới). Đến nay, ngoài 01 chợ đầu mối đang hoạt động trước thời kỳ quy hoạch, trên địa bàn tỉnh hiện chưa đầu tư xây dựng mới các chợ đầu mối khác.

- Đối với Trung tâm logistics: trên địa bàn tỉnh có quy hoạch 08 trung tâm logistics, với tổng diện tích 740 ha (*Đặt tại Thành phố Buôn Ma Thuột (cũ), huyện Krông Pắc (cũ), huyện Ea Kar (cũ), huyện Krông Búk (cũ), huyện Ea H'leo (cũ); Thị xã Đông Hòa (cũ), thành phố Tuy Hòa (cũ), thị xã Sông Cầu (cũ)*). Đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện chưa hình thành trung tâm logistics, các hoạt động dịch vụ logistics chưa phát triển mạnh, chưa có doanh nghiệp lớn chuyên cung ứng loại hình dịch vụ này.

- Đối với Cảng cạn và ICD: quy hoạch 01 cảng cạn tại huyện Krông Búk (cũ) và 02 ICD tại thành phố Buôn Ma Thuột (cũ), huyện Krông Pắc (cũ). Đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện chưa hình thành cảng cạn và ICD.

- Đối với Kho xăng, dầu và kho khí đốt: Trên địa bàn tỉnh được quy hoạch xây dựng mới từ 06-07 kho xăng dầu có quy mô dưới 5.000 m³ (đặt trên Quốc lộ 26 tại huyện Krông Pắc (cũ); trên Quốc lộ 29 tại huyện Krông Búk (cũ); tại thành phố Buôn Ma Thuột (cũ); trên đường Hồ Chí Minh và khu vực thị xã Đông Hòa (cũ)) và xây mới từ 2-3 kho khí đốt và trạm nạp LPG quy mô dưới 2.500 tấn (đặt tại khu vực phía Đông Đắk Lắk). Đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện chưa xây dựng mới kho khí đốt, kho xăng dầu theo quy hoạch.

h) Phương án phát triển khu quân sự, an ninh: Hiện trên địa bàn tỉnh có 370 điểm đất quốc phòng với diện tích 126.598.497 m². Giai đoạn 2021-2025, đã triển khai giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để triển khai xây dựng 29 công trình quốc phòng. Theo quy hoạch đến năm 2030, tỉnh tiếp tục đề nghị giao 156 điểm đất với diện tích 30.872.292 m² cho mục đích quốc phòng. Công tác quản lý các khu vực địa hình ưu tiên được thực hiện chặt chẽ.

1.2.4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Mạng lưới giao thông vận tải: Được tập trung đầu tư mạnh mẽ, có bước đột phá, bám sát định hướng quy hoạch. Nhiều dự án trọng điểm quốc gia, liên vùng đã và đang được triển khai như: cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, các dự án đường ven biển, nâng cấp các Quốc lộ 29, 26, 19C. Hạ tầng giao thông nông thôn cũng được cải thiện đáng kể.

b) Mạng lưới cấp điện: Ngành điện đã cơ bản đầu tư hoàn thiện hạ tầng lưới điện truyền tải, phân phối ⁸. Trong giai đoạn 2021-2025, đã đầu tư xây dựng

⁸ - Đối với nguồn điện: quy hoạch 90 dự án năng lượng tái tạo với tổng công suất là 7.780,5 MW; trong giai đoạn 2021-2025 chưa có dự án đã thực hiện hoàn thành; có 24 dự án đang triển khai thực hiện (*gồm: 12 dự án đang lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; 04 dự án đã thi công xong nhưng chưa đi vào hoạt động, hiện đang làm thủ tục thuê đất theo quy định; 08 dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện đang hoàn tất các thủ tục để triển khai đầu tư xây dựng*).

- Đối với lưới điện: Trạm 500kV và đường dây 500kV: quy hoạch 08 dự án TBA 500kV và 13 dự án đường dây 500kV; trong giai đoạn 2021-2025 chưa có dự án nào được triển khai đầu tư xây dựng.

+ Trạm 220kV và đường dây 220kV: quy hoạch 26 TBA 220kV và 40 dự án đường dây 220kV; đến nay có 01 dự án nâng công suất TBA 220kV Tuy Hòa đã thi công hoàn thành và đưa vào vận hành; có 02 dự án đường dây 220kV hiện đang thi công chưa hoàn thành.

hoàn thành 05 dự án TBA 110kV và 01 dự án đường dây 110kV. Tuy nhiên, việc triển khai các dự án nguồn và lưới điện theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh còn chậm do cần thời gian để thực hiện cập nhật vào quy hoạch tỉnh.

c) Hạ tầng thông tin và truyền thông: Hạ tầng số được quan tâm đầu tư, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số. Hạ tầng cáp quang đã đến 100% trung tâm xã; hạ tầng 3G, 4G phủ đến 100% khu dân cư.

- Công tác cung cấp thông tin cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, cung cấp kiến thức cần thiết cho người dân, kể cả vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh trật tự.

- Hoạt động cung cấp thông tin triển khai qua nhiều kênh: báo chí, phát thanh, truyền hình, internet, mạng xã hội, bảng tin... đảm bảo minh bạch, chính xác. Các xã, phường, thị trấn công khai thông tin thiết yếu (quy hoạch, chính sách, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, giải quyết khiếu nại - tố cáo...) trên hệ thống truyền thanh, bảng tin, cổng điện tử; các cơ quan báo chí, truyền thanh cơ sở và kênh điện tử chủ động tuyên truyền, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân.

- Nội dung thông tin ngày càng đa dạng, không chỉ tuyên truyền chính sách, pháp luật mà còn mở rộng sang đời sống, y tế, giáo dục, việc làm, an sinh xã hội, bình đẳng giới, môi trường... giúp nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin được tăng cường, phát huy hiệu quả cổng thông tin điện tử, mạng xã hội (Zalo, Facebook) và các nền tảng số, nâng cao tính tương tác, dễ tiếp cận và phù hợp với nhu cầu thông tin của Nhân dân.

- Hoạt động thông tin cơ sở tạo kênh tiếp nhận phản ánh, góp ý của người dân, tăng cường tính giám sát, minh bạch và sự đồng thuận trong thực thi chính sách. Đồng thời, phát huy hiệu quả trong các tình huống khẩn cấp (*thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ cứu nạn...*), giúp ổn định tình hình, giảm thiệt hại, bảo đảm an toàn cho Nhân dân.

- Hệ thống thông tin cơ sở từng bước hiện đại hóa, ứng dụng truyền thanh CNTT - viễn thông, SMS, mạng xã hội... truyền tải nhanh chóng, hiệu quả đến người dân, đáp ứng chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền. - Toàn tỉnh đã có hơn 63 xã, phường lắp đặt truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông, hoạt động ổn định, dễ quản lý, không bị nhiễu sóng, có thể điều khiển từ xa, phân vùng phát nội dung khác nhau, thậm chí chuyển văn bản thành giọng nói mà không cần phát thanh viên.

+ Trạm 110kV và đường dây 110kV: quy hoạch 69 dự án TBA 110kV và 42 dự án đường dây 110kV; đến nay có 05 dự án TBA 110kV và 01 dự án đường dây 110kV được đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành.

d) Mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thủy lợi đang dần được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao trình độ dân trí khu vực nông thôn, phát huy hiệu quả phòng, chống lũ, úng, ngập giảm nhẹ thiên tai.

Trong những năm qua, bằng nhiều nguồn vốn, tỉnh đã đầu tư nâng cấp sửa chữa một số công trình mang tính cấp bách, xung yếu ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân⁹. Các công trình sau khi được đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn, tích nước đạt dung tích thiết kế, chủ động công tác điều tiết nước trong mùa mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình đầu mối và các hộ dân sống ở hạ lưu đập, bảo vệ môi trường sinh thái.

Hiện nay, việc đầu tư các công trình thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch được phê duyệt, đồng thời UBND tỉnh đang lập Đề án Phát triển thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trình UBND tỉnh phê duyệt để việc đầu tư danh mục công trình phù hợp với nhu cầu phát triển thủy lợi thực tế của địa phương

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 16/5/2024 về nâng cao Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ), theo đó, hiện nay Sở Xây dựng đang phối hợp với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên và các địa phương rà soát, đánh giá các khu vực cần thiết để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước sinh hoạt đô thị đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn tỉnh và đề nghị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên nghiên cứu nội dung đề xuất của các địa phương và có kế hoạch tổ chức khảo sát thực tế.

đ) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải:

Các quy hoạch tỉnh (cũ) đều đã định hướng xây dựng các khu xử lý chất thải rắn (CTR) liên hợp cấp tiểu vùng, liên huyện tại các trung tâm kinh tế và các cơ sở xử lý cấp huyện. Đã có những bước tiến ban đầu trong việc nâng cấp, cải tạo các cơ sở xử lý CTR hiện hữu. Tuy nhiên, việc xây dựng các khu liên hợp xử lý mới, áp dụng công nghệ hiện đại (tái chế, đốt rác phát điện...) còn chậm do khó khăn trong việc thu hút đầu tư và bố trí quỹ đất. Hầu hết các địa phương vẫn chủ yếu xử lý bằng phương pháp chôn lấp, chưa đảm bảo triệt để các yêu cầu về môi trường.

⁹ Đã đầu tư nhiều công trình quan trọng như hệ thống thủy lợi Lỗ Chài 1, hồ điều tiết chống hạn tại Khu KNNUDCNC. Tuy nhiên, nhiều dự án thủy lợi lớn khác vẫn chưa được triển khai do hạn chế về nguồn vốn.

e) Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ:

Đã có sự quan tâm đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Tuy nhiên, việc bố trí quỹ đất để xây dựng các trụ sở đội PCCC&CNCH khu vực theo quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn. Hệ thống hạ tầng phục vụ PCCC, đặc biệt là các trụ nước chữa cháy tại các khu dân cư mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ.

1.2.5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất cho các lĩnh vực giáo dục, y tế được quan tâm triển khai như: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh, Bệnh viện đa khoa Buôn Hồ, Trung tâm ung bướu tỉnh, Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh, Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh, Trường THPT Trần Bình Trọng... Các dự án này đang được đẩy nhanh tiến độ, góp phần hoàn thiện mạng lưới hạ tầng xã hội theo quy hoạch.

1.2.6. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Việc phân bổ, khoanh vùng đất đai cơ bản tuân thủ theo các chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg. Tuy nhiên, chỉ tiêu đất KCN được phân bổ (658ha cho Đắk Lắk cũ và 1.449ha cho Phú Yên cũ đến năm 2030) thấp hơn so với nhu cầu phát triển theo quy hoạch của tỉnh, gây khó khăn cho việc thành lập các KCN mới.

1.2.7. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện (trước ngày 01/7/2025)

a) Tỉnh Phú Yên (cũ):

Về quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện: Các định hướng phát triển được cụ thể hoá bằng liên kết vùng liên huyện phía Đông ven biển, gồm thành phố Tuy Hòa, thành phố Sông Cầu (dự kiến) và thị xã Tuy An (dự kiến), vùng liên huyện phía Tây (gồm huyện Đồng Xuân, huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hinh), vùng liên huyện bán sơn địa (gồm huyện Phú Hòa và huyện Tây Hòa) về kinh tế, giao thương, văn hóa chính trị của toàn tỉnh; tập trung xây dựng vùng biển và ven biển trở thành khu vực kinh tế đa ngành, đa chức năng, là đầu tàu phát triển kinh tế của Tỉnh với đô thị Tuy Hòa và Đông Hòa trở thành cực tăng trưởng chủ lực; xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp (công nghiệp luyện kim; lọc, hóa dầu; năng lượng, ...), cảng biển lớn của vùng Duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên.

Về quy hoạch xây dựng các vùng huyện: thực hiện định hướng phát triển đối với 06 vùng huyện gồm Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân, Tuy An, Phú Hoà, Tây Hoà. Trong đó, theo định hướng quy hoạch tỉnh có lập quy hoạch xây dựng các vùng huyện để làm cơ sở quản lý phát triển; tuy nhiên, theo quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch đô thị và nông thôn thì không còn loại quy hoạch xây dựng vùng huyện nên không triển khai thực hiện.

b) Tỉnh Đắk Lắk (cũ):

UBND tỉnh đã phê duyệt 02 đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện (Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cư M'gar tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045 tại Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 16/10/2023; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Krông Ana tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 22/08/2024) và 02 nhiệm vụ (Quy hoạch xây dựng vùng huyện Krông Pắc, Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cư Kuin).

1.2.8. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực. Hiệu lực quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản được tăng cường. Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2025 dự kiến đạt 41,37%. Các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai như xây dựng kè chống sạt lở, nâng cấp đê điều được triển khai đồng bộ.

- Đối với lưu vực sông Ba và sông Kỳ lộ thuộc tỉnh Phú Yên (cũ): UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 quy định phân vùng nguồn tiếp nhận nước thải thuộc lưu vực sông Ba và sông Kỳ Lộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ). Theo đó, quy định đã xác định rõ chất lượng nước sau xử lý được phép đổ vào trên từng khu vực của sông Ba, sông Kỳ Lộ và các con sông, suối thuộc lưu vực 02 sông lớn này. Hiện nay 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả nước thải sau xử lý vào lưu vực sông Ba và sông Kỳ Lộ đã chấp hành nghiêm túc Quy định này.

- Đối với hệ thống sông, suối trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ): Tỉnh đang triển khai thực hiện nhiệm vụ Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ), dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2025. Kết quả nhiệm vụ là cơ sở để kiểm soát chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải và đánh giá sức chịu tải của nguồn nước từ đó đề ra các giải pháp quản lý phù hợp.

- Đã xây dựng cơ chế tổ chức, quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững các khu rừng; ban hành các chương trình, dự án và hệ thống giải pháp thực thi nhằm bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật quý hiếm, đặc hữu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai và Khu văn hóa - lịch sử - môi trường Đèo Cả, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, Vườn Quốc gia Yok Đôn, rừng đặc dụng Nam Ka, rừng lịch sử, văn hoá và môi trường Hồ Lắk, rừng phòng hộ Núi Vọng Phu, khu bảo tồn loài sinh cảnh Thông nước, Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô. Đối với rừng ngập mặn, đang triển khai việc phục hồi nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại đầm Ô Loan và Cù Mông, về xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, phía Đông Đắk Lắk đã hoàn thành cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học rừng và cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học vùng biển ven bờ. Ngoài ra, nhằm chủ động thu hút nguồn lực hỗ trợ công

tác điều tra và bảo tồn đa dạng sinh học: UBND tỉnh phối hợp với Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga triển khai về nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các hệ sinh thái trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) giai đoạn 2022 - 2024; theo đó, đang phối hợp thực hiện nhiệm vụ “Triển khai các hoạt động nghiên cứu sinh thái và đa dạng sinh học, xây dựng các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học khu vực Đèo Cả - Hòn Vọng Phu”.

2. Tổng hợp, phân tích kết quả thực hiện

Giai đoạn 2021-2025, trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức, tỉnh đã nỗ lực và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội: Trên cơ sở hợp nhất số liệu của hai tỉnh cũ, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thể hiện sự phục hồi và phát triển ổn định của nền kinh tế.

- Các chỉ tiêu chưa đạt:

- + Tốc độ tăng trưởng GRDP: Ước đạt 6,24%/năm, thấp hơn mục tiêu của cả hai tỉnh cũ (Đắk Lắk: 7,01%; Phú Yên: 8,5%).

- + Tổng thu ngân sách nhà nước: Chưa đạt mục tiêu đề ra, cơ cấu thu chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ đất.

- + Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: Chưa đạt 100% theo kế hoạch, đặc biệt tại các CCN do hạn chế về vốn đầu tư hạ tầng.

- + Tỷ lệ hộ nghèo giảm (của Phú Yên cũ): Chưa đạt mục tiêu (giảm 1,5-2%/năm) do áp dụng chuẩn nghèo đa chiều mới giai đoạn 2022-2025 làm tăng số hộ nghèo ban đầu, trong khi số hộ có khả năng thoát nghèo có hạn.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG, DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CỦA QUY HOẠCH TỈNH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã tập trung nguồn lực đáng kể để triển khai các dự án động lực, có sức lan tỏa, góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước hiện thực hóa các mục tiêu quy hoạch. Tuy nhiên, bên cạnh những dự án đã và đang được triển khai tích cực, vẫn còn một số lượng lớn các dự án quan trọng nằm trong danh mục ưu tiên đầu tư chưa thể khởi động.

- Các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, đặc biệt là các dự án có sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, đã có những bước tiến đáng kể, tạo ra bộ khung kết nối chiến lược cho tỉnh. Các dự án như Tuyến đường bộ ven biển, Tuyến đường nối Cảng Bãi Góc với KKT Vân Phong... đang được đẩy nhanh tiến độ, hứa hẹn khi hoàn thành sẽ tạo ra động lực phát triển đột phá cho khu vực phía Đông và tăng cường kết nối liên vùng.

- Các dự án hạ tầng xã hội thiết yếu như y tế, giáo dục cũng được quan tâm đầu tư, thể hiện qua việc khởi công xây dựng cho thấy sự quyết tâm của tỉnh trong việc nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Tuy nhiên, phần lớn các dự án nằm trong danh mục ưu tiên đầu tư của cả hai quy hoạch cũ vẫn chưa được triển khai. Tình trạng này xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực, từ thủy lợi, hạ tầng đô thị, giao thông nội tỉnh đến các dự án phát triển kinh tế - xã hội khác.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do hạn chế về nguồn lực. Nguồn vốn ngân sách tỉnh còn eo hẹp, trong khi nhu cầu đầu tư là rất lớn. Việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách gặp nhiều khó khăn. Tỉnh cần phải tập trung tối đa nguồn lực cho một số ít các công trình, dự án mang tính cấp bách, trọng điểm, có khả năng tạo nguồn thu trực tiếp hoặc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phòng chống thiên tai, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Theo đó, dù đã có những điểm sáng, nhưng bức tranh tổng thể về việc thực hiện các dự án ưu tiên vẫn chưa đạt như kỳ vọng. Nhiều tiềm năng, lợi thế được xác định trong quy hoạch chưa được khơi thông do thiếu các dự án “mồi” cần thiết. Điều này đặt ra một bài toán lớn về việc cân đối, phân bổ và huy động nguồn lực trong giai đoạn tới, đòi hỏi phải có sự rà soát, sắp xếp lại thứ tự ưu tiên các dự án một cách thực tế và hiệu quả hơn trong bản quy hoạch điều chỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KHÓ KHĂN

1. Xác định các yếu tố và nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Bối cảnh bất lợi: Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động phức tạp, xung đột địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Tác động nặng nề và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt kinh tế - xã hội.

+ Thách thức từ thiên nhiên: Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng cực đoan, thiên tai, dịch bệnh bất thường ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân.

+ Hệ thống pháp luật: Một số quy định pháp luật trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định, gây khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Ở một số cấp, một số ngành, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết, quy hoạch còn chậm, thiếu quyết liệt. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương có lúc chưa chặt chẽ, đồng bộ, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

+ Năng lực thực thi: Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đặc biệt ở cấp cơ sở sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp.

+ Nguồn lực nội tại: Nguồn lực của tỉnh còn hạn hẹp, thu ngân sách chưa bền vững. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực mạnh còn hạn chế.

2. Khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai quy hoạch, tỉnh đã đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc mang tính hệ thống, có thể xem là các “điểm nghẽn” cần tập trung tháo gỡ:

- Điểm nghẽn về thể chế và quy hoạch:

+ Xung đột quy hoạch cấp quốc gia: Đây là vướng mắc lớn nhất. Sau khi sáp nhập, tỉnh Đắk Lắk tồn tại trên hai vùng kinh tế - xã hội khác nhau theo Quy hoạch tổng thể quốc gia (Vùng Tây Nguyên và Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung), với hai bộ định hướng phát triển riêng rẽ. Điều này gây ra sự xung đột pháp lý, cản trở việc xây dựng một chiến lược phát triển thống nhất và làm suy yếu liên kết nội tại của tỉnh.

+ Bất cập về chỉ tiêu sử dụng đất: Chỉ tiêu sử dụng đất KCN do Trung ương phân bổ cho Đắk Lắk (cũ) đến năm 2030 là 658 ha, thấp hơn nhiều so với nhu cầu phát triển theo quy hoạch của tỉnh (bao gồm các KCN M'Drăk, Ea Kar, Ea H'leo). Điều này đã và đang là rào cản pháp lý lớn, ngăn cản việc thành lập các KCN mới để thu hút đầu tư.

+ Một số quy hoạch ngành quốc gia vừa được ban hành, do đó, Quy hoạch tỉnh cần được điều chỉnh để cập nhật, bổ sung¹⁰.

- Chồng chéo trong thủ tục đầu tư CCN: Việc thành lập, mở rộng CCN có gắn với cho thuê đất phải thực hiện đồng thời 02 thủ tục (chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư và lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng theo Nghị định 32/2024/NĐ-CP) là chồng chéo, gây mất thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

- Điểm nghẽn về hạ tầng kết nối:

+ Thiếu trục giao thông cao tốc kết nối trực tiếp, đồng bộ giữa khu vực phía Tây (vùng nguyên liệu, kinh tế cửa khẩu) và khu vực phía Đông (vùng chế biến sâu, kinh tế cảng biển). Điều này làm tăng chi phí logistics, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa và hạn chế sự phát triển của các chuỗi du lịch liên hoàn “rừng - biển”.

+ Các trung tâm logistics, cảng cạn dù đã được quy hoạch nhưng chưa được hình thành, các hoạt động dịch vụ còn manh mún, chưa tương xứng với vai trò đầu mối giao thương của tỉnh.

¹⁰ Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ chưa đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (cũ) (có 20 mô chưa được cập nhật vào hồ sơ quy hoạch tỉnh); Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh...

- Điểm nghẽn về nguồn lực và triển khai dự án:
 - + Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) còn nhiều vướng mắc, kéo dài, là nguyên nhân chính gây chậm tiến độ của nhiều dự án trọng điểm (Dự án đường nối Cảng Bãi Góc, Khu đô thị mới Nam Tuy Hòa...).
 - + Nguồn vốn đầu tư công còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng cho các KCN, CCN, hạ tầng xã hội thiết yếu.
 - + Việc triển khai các dự án nguồn và lưới điện theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh còn lúng túng do Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2023, nhưng đến tháng 4/2025 Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dẫn đến chưa được cập nhật kịp thời vào quy hoạch tỉnh, gây khó khăn trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư, bố trí quỹ đất.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả

- Hoàn thiện thể chế và cơ chế phối hợp: Khẩn trương rà soát, lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trên toàn không gian lãnh thổ mới. Xây dựng và quản lý hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch. Tăng cường cơ chế phối hợp hiệu quả, rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai quy hoạch.
- Huy động và phân bổ nguồn lực: Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đẩy mạnh đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho công tác GPMB và đầu tư các công trình hạ tầng khung, có tính lan tỏa. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn ngoài nhà nước.
- Nâng cao năng lực thực thi: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức. Đề cao và có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Xử lý nghiêm các trường hợp né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ.

2. Kiến nghị điều chỉnh quy hoạch

Do việc sáp nhập tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên đã tạo ra một đơn vị hành chính cấp tỉnh mới với không gian địa lý, tiềm năng, lợi thế và các mối liên kết kinh tế - xã hội hoàn toàn khác biệt so với hai tỉnh riêng lẻ trước đây, dẫn đến việc điều chỉnh cục bộ các quy hoạch cũ là không khả thi và không đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ. Do đó, cần thiết phải điều chỉnh tổng thể Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các nội dung còn phù hợp của hai quy hoạch đã được phê duyệt.

Để có cơ sở xây dựng dự toán kinh phí cho công tác lập điều chỉnh quy hoạch theo đúng quy định tại Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, tỉnh xác định các nội dung trọng tâm cần nghiên cứu, điều chỉnh, xây dựng mới trong hồ sơ quy hoạch tỉnh như sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh:

Nội dung cần điều chỉnh: Thực hiện phân tích, đánh giá lại toàn bộ các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tài nguyên, môi trường, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn tỉnh mới. Xây dựng một ma trận phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) tổng thể, trong đó làm nổi bật các lợi thế cạnh tranh cốt lõi phát sinh từ sự kết hợp giữa hai vùng sinh thái cao nguyên và duyên hải.

Lý do: Các phân tích, đánh giá của hai quy hoạch cũ được thực hiện độc lập, chưa phản ánh được tiềm năng cộng hưởng và các thách thức mới sau sáp nhập. Việc phân tích lại là cơ sở khoa học nền tảng để xác định tầm nhìn và định hướng phát triển cho toàn bộ các nội dung quy hoạch sau này.

- Xây dựng quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng hệ thống quan điểm, tầm nhìn chiến lược mới, thống nhất cho toàn tỉnh, thể hiện rõ vai trò, vị thế là cầu nối chiến lược giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Rà soát, tính toán và đề xuất lại toàn bộ hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội (GRDP, cơ cấu kinh tế, thu ngân sách, GRDP bình quân đầu người, các chỉ tiêu xã hội, môi trường...). Xây dựng các kịch bản phát triển mới (tăng trưởng nhanh, bền vững...) dựa trên các động lực tăng trưởng mới.

Lý do: Các mục tiêu và kịch bản cũ không còn phù hợp với quy mô và tiềm năng của tỉnh mới. Cần có một hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu mới mang tính đột phá, khát vọng, tương xứng với vị thế mới.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng phương hướng phát triển tích hợp cho các ngành kinh tế trụ cột, tập trung vào việc hình thành các chuỗi giá trị liên kết hoàn chỉnh. Cụ thể:

+ *Nông, lâm, thủy sản*: Xây dựng chuỗi giá trị kết nối vùng nguyên liệu nông sản chất lượng cao phía Tây (cà phê, sầu riêng, hồ tiêu) với các trung tâm chế biến sâu và vùng nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản công nghệ cao phía Đông (tôm hùm, cá ngừ đại dương).

+ *Công nghiệp*: Tái cấu trúc không gian công nghiệp, hình thành 02 cực công nghiệp. Phía Tây tập trung vào công nghiệp chế biến nông lâm sản, cơ khí và năng lượng tái tạo. Phía Đông tập trung vào các ngành công nghiệp động lực gắn với cảng biển như luyện kim, lọc hóa dầu, năng lượng sạch (hydro xanh), sản phẩm công nghệ số.

+ *Dịch vụ - Du lịch*: Thiết kế các sản phẩm, tuyến du lịch liên hoàn, đặc sắc "Từ đại ngàn xuống biển xanh". Nâng tầm ngành logistics thành ngành kinh tế mũi nhọn, quy hoạch các trung tâm logistics, cảng cạn kết nối đồng bộ cảng biển phía Đông với vùng Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế.

Lý do: Việc tích hợp phương hướng phát triển ngành sẽ giúp khai thác tối đa lợi thế bổ sung cho nhau giữa hai vùng, tránh đầu tư dàn trải, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh vượt trội.

- Phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng một mô hình tổ chức không gian lãnh thổ mới, thống nhất cho toàn tỉnh. Trong đó, xác định rõ:

- + Các cực tăng trưởng (đô thị Buôn Ma Thuột, đô thị Tuy Hòa - Đông Hòa).
- + Các hành lang kinh tế chiến lược, đặc biệt là hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối Cửa khẩu Đắk Ruê với Cảng biển Bãi Gốc và hành lang kinh tế ven biển Bắc - Nam.
- + Các tiểu vùng kinh tế với chức năng chuyên môn hóa (vùng nông nghiệp công nghệ cao, vùng công nghiệp cảng biển, vùng du lịch sinh thái...).

Lý do: Hai mô hình tổ chức không gian cũ đã không còn phù hợp. Cần một phương án tổ chức không gian mới, mạch lạc để định hướng cho việc phân bổ nguồn lực và thu hút đầu tư một cách hiệu quả.

- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn:

Nội dung cần điều chỉnh: Rà soát, sắp xếp lại toàn bộ hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, xác định lại vai trò, chức năng, quy mô và định hướng phát triển của từng đô thị trong mối liên kết tổng thể. Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với các vùng sản xuất chuyên canh và phát triển du lịch cộng đồng.

Lý do: Sự sáp nhập đòi hỏi phải có sự tái cấu trúc hệ thống đô thị để đảm bảo tính hệ thống, tránh cạnh tranh nội bộ và thúc đẩy quá trình đô thị hóa một cách cân bằng.

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng các phương án phát triển tích hợp, đồng bộ cho từng hệ thống hạ tầng trên phạm vi toàn tỉnh:

+ Giao thông: Xác định danh mục, quy mô các dự án giao thông kết nối chiến lược, đặc biệt là tuyến cao tốc và đường sắt Đông - Tây. Tái cấu trúc mạng lưới đường tỉnh.

+ Năng lượng (Cấp điện): Tích hợp 2 quy hoạch lưới điện cũ và cập nhật đầy đủ danh mục các dự án nguồn và lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VIII) điều chỉnh.

+ Thủy lợi, cấp nước, thoát nước: Xây dựng phương án quản lý tổng hợp tài nguyên nước, kết nối các hệ thống thủy lợi, đảm bảo an ninh nguồn nước cho cả hai vùng.

+ Hạ tầng số, viễn thông: Xây dựng phương án phát triển hạ tầng số thống nhất.

Lý do: Các mạng lưới hạ tầng kỹ thuật phải được quy hoạch như một hệ thống duy nhất, liên thông để phục vụ cho không gian kinh tế mới, xóa bỏ sự chia cắt trước đây.

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội:

Nội dung cần điều chỉnh: Rà soát và quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao... trên toàn tỉnh, đảm bảo sự phân bố hợp lý, cân đối giữa các vùng, miền, khắc phục sự chênh lệch và đảm bảo người dân được tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Lý do: Sáp nhập tỉnh đòi hỏi phải sắp xếp lại hệ thống hạ tầng xã hội để phục vụ hiệu quả quy mô dân số lớn hơn và địa bàn rộng hơn.

- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai mới cho toàn tỉnh theo từng loại đất (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất khu công nghiệp, đất quốc phòng...), tích hợp từ hai quy hoạch cũ và phù hợp với các định hướng phát triển mới.

Lý do: Phương án sử dụng đất của hai tỉnh cũ phải được hợp nhất và điều chỉnh lại cho phù hợp với chiến lược phát triển chung. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các dự án.

- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng một phương án tổng thể, thống nhất về bảo vệ môi trường. Trong đó, cần xác định các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; các hành lang đa dạng sinh học kết nối hệ sinh thái cao nguyên và ven biển; phương án quản lý tổng hợp rủi ro thiên tai (lũ lụt, hạn hán, bão...).

Lý do: Tỉnh mới có một không gian sinh thái đa dạng và phức tạp hơn, đòi hỏi một cách tiếp cận quản lý tổng hợp và liên vùng.

- Phương án phát triển các khu chức năng:

Nội dung cần điều chỉnh: Rà soát, tích hợp và tái cấu trúc lại toàn bộ các khu chức năng đã được quy hoạch, đồng thời bổ sung các khu chức năng mới mang tính động lực, đột phá. Cụ thể: Tích hợp phương án phát triển KKT Nam Phú Yên với các KCN, CCN phía Tây để hình thành một không gian công nghiệp thống nhất, có sự phân công, chuyên môn hóa cao. Bổ sung quy hoạch, xác định vị trí và mô hình phát triển cho Khu kinh tế chuyên biệt phía Tây tỉnh Đắk Lắk trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, là trọng điểm phát triển mang tính đột phá cho toàn vùng Tây Nguyên. Xây dựng lại phương án phát triển hệ thống các khu du lịch, kết nối các điểm đến biển và cao nguyên thành các tour, tuyến liên hoàn, đặc sắc. Tái cấu trúc hệ thống khu nghiên cứu, đào tạo gắn với các ngành kinh tế mũi nhọn của từng tiểu vùng. Quy hoạch lại hệ thống khu thể thao, văn hóa và các khu bảo tồn, di tích trên toàn tỉnh, đảm bảo sự phân bố hợp

lý. Xây dựng phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên cơ sở liên kết chuỗi giá trị Đông - Tây, trong đó, xác định các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nâng tầm phương án phát triển thương mại dịch vụ logistics, xác định đây là ngành kinh tế mũi nhọn, quy hoạch các trung tâm logistics lớn tại các đầu mối giao thông quan trọng. Rà soát, điều chỉnh phương án phát triển khu quân sự, an ninh cho phù hợp với địa giới hành chính và phương án tác chiến mới...

Lý do: Các phương án phát triển khu chức năng của hai quy hoạch cũ còn riêng lẻ, chưa có sự kết nối. Việc sáp nhập tỉnh tạo ra một không gian phát triển mới đòi hỏi phải có một tư duy quy hoạch tổng thể, liên kết để phát huy tối đa lợi thế của từng khu vực. Đặc biệt, việc hình thành Khu kinh tế chuyên biệt phía Tây sẽ tạo ra một cực tăng trưởng mới, cân đối với KKT Nam Phú Yên ở phía Đông, tạo thế phát triển cân bằng, hỗ trợ lẫn nhau, kết nối hiệu quả kinh tế cao nguyên với kinh tế biển, tạo động lực phát triển chung cho toàn tỉnh và cả khu vực.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư và giải pháp, nguồn lực thực hiện:

Nội dung cần điều chỉnh: Xây dựng một danh mục các dự án ưu tiên đầu tư hoàn toàn mới cho toàn tỉnh, trong đó tập trung vào các dự án có tính động lực, lan tỏa, thúc đẩy liên kết Đông - Tây. Đề xuất các giải pháp đột phá về cơ chế, chính sách, huy động vốn, phát triển nguồn nhân lực... để đảm bảo tính khả thi của quy hoạch.

Lý do: Danh mục dự án và các giải pháp thực hiện của hai quy hoạch cũ không còn phù hợp. Cần có một bộ giải pháp và danh mục dự án mới, đủ mạnh để hiện thực hóa các mục tiêu đầy tham vọng của tỉnh sau sáp nhập.

- Ngoài ra, cần điều chỉnh các phương án cụ thể còn lại theo Quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan nhằm tuân thủ các quy định, nội dung về lập, điều chỉnh quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung đề xuất điều chỉnh tại Phụ lục 2 kèm theo)

Trên đây là Báo cáo đánh giá đột xuất tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. /*NT*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, trung tâm (VP.UBND tỉnh);
- Lưu: VT, ĐTKT (Htam 10 b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Thái

Phụ lục 1:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số **0134** /BC-UBND ngày **02** /10/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
I	VỀ KINH TẾ										
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - giá SS 2010)	Tỷ đồng	68.425	303.109		35.683	154.781		103.580	457.890	
*	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	8,0		6,31	8,00		6,10	8,00		6,24
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	5,99		5,80	4,21		3,55	5,56		5,24
-	Công nghiệp - xây dựng	%	12,04		9,55	11,23		8,10	11,62		8,82
+	Công nghiệp	%	12,87		13,48	8,29		8,67	10,49		10,95
+	Xây dựng	%	10,58		4,11	16,70		7,17	13,66		5,57
-	Dịch vụ	%	8,50		6,08	8,02		6,51	8,34		6,22
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,82		1,40	4,64		2,35	5,35		1,75
*	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - giá HH)	Tỷ đồng	159.506	627.968	12,9	69.742	285.045		230.662	913.014	11,8
*	Cơ cấu kinh tế		100,00			100,00			100,00		

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
-	Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước	%	85,00						83,7		
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hóa đường tỉnh	%	100,00								
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hóa đường huyện	%	100,00								
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hóa đường xã, liên xã	%	82,17								
-	Tỷ lệ đô thị hóa	%	35,59			45,00			27,2		
8	Phát triển doanh nghiệp, HTX										
-	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	1.619	6.923		500	2.422		2.119	9.345	0,2
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	60	370		15	93		75	463	
II	VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI										
9	Giảm nghèo										
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (bình quân/năm)	%	3,00	10,98	2,20	1,02	4,34	0,87	3,00		
	<i>Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	%	4,00	20,35	4,07				4,00		
-	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,30						2,4		

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (PY)	%	100			100			100		
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị được xử lý (ĐL)	%	92,00								
	Tỷ lệ che phủ rừng (đến năm 2025)	%	38,80			48,00			41,37		
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (đến năm 2025)	%	97,50			>60			98,42		
	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch (đến năm 2025)	%	92,50			95,00			92,5		
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn (PY)	%				100,00					
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (PY)	%				100,00					
15	Chỉ số CCHC (PAR index) (ĐL)		Tăng 5 bậc so với năm 2024						88,5%		

Phụ lục 2:**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH TỈNH ĐẮK LẮK
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 CẦN ĐIỀU CHỈNH***(Kèm theo Báo cáo số **0194** /BC-UBND ngày **02**/10/2025 của UBND tỉnh)*

STT	Danh mục các nội dung cần điều chỉnh	Ghi chú
1	Quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh, bao gồm:	
	+ Quan điểm quy hoạch. + Kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh + Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. + Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. + Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	
2	Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội:	
	+ Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng + Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác + Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội	
3	Các phương án cụ thể (theo Quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)	
	+ Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm: Phương án phát triển đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.	



STT	Danh mục các nội dung cần điều chỉnh	Ghi chú
	+ Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: Phương án phát triển mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển, sân bay; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn, mạng lưới đường tỉnh. + Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm: Phương án phát triển các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối. + Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm: Phương án phát triển các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh. + Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước bao gồm: Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện. + Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, bao gồm: Phương án phát triển các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện. + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm: Phương án phát triển các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các thiết chế văn hoá, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh. + Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy. + Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện (điều chỉnh bỏ), cấp xã (lập mới) trong kỳ quy hoạch.	
4	Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai	
5	Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	
6	Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;	
7	Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh	

STT	Danh mục các nội dung cần điều chỉnh	Ghi chú
8	Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	
9	Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	
10	Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện	
11	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	
12	Báo cáo Quy hoạch tỉnh	
13	Hệ thống bản đồ	
14	Cơ sở dữ liệu quy hoạch	
15	Các nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh	
16	Các nội dung điều chỉnh khác phát sinh trong quá trình lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.	